

Số: 498/NĐBR-TCKT

Bà Rịa, ngày 08 tháng 6 năm 2021

V/v Công bố Nghị quyết thông qua nội dung
hợp Hội đồng quản trị định kỳ Quý II năm
2021.

Kính gửi:

- Ủy Ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh.

1. Tên TCPH: Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa
2. Tên giao dịch: Ba Ria Thermal Power Joint stock Company
3. Mã chứng khoán: BTP
4. Trụ sở chính: Khu phố Hương Giang, P. Long Hương, thành phố Bà Rịa, tỉnh BRVT
5. Điện thoại: 0254. 2212 811 Fax: 0254. 3825 985
6. Sàn giao dịch: HOSE
7. Người thực hiện CBTT: Bà Huỳnh Thị Huyền Trang. Điện thoại: 0979872299
8. Nội dung của thông tin công bố:

Công bố Nghị quyết thông qua nội dung hợp Hội đồng quản trị định kỳ
Quý II năm 2021.

(Đính kèm: Nghị quyết số 708/NQ-NĐBR ngày 07/6/2021)

Chúng tôi cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn
toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- HĐQT, BKS/BTP;
- P. KT&AT/BTP (Đăng Website BTP);
- Lưu VT, TCKT.

TUQ. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ PHÒNG TÀI CHÍNH KẾ TOÁN



Huỳnh Thị Huyền Trang



NGHỊ QUYẾT

**Về việc thông qua nội dung họp
Hội đồng quản trị định kỳ Quý II/2021
(lấy ý kiến bằng văn bản)**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY CỔ PHẦN NHIỆT ĐIỆN BÀ RỊA

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Căn cứ Quy chế của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Căn cứ Nghị quyết số 47/NQ-HĐQT ngày 23/5/2021 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Phát điện 3 về việc thông qua các nội dung biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Căn cứ Biên bản tổng hợp ý kiến số 697/BB-NĐBR ngày 03/6/2021 của Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) sau khi xem xét Tờ trình số 670/TTr-NĐBR ngày 27/5/2021 của Tổng Giám đốc Công ty về việc thông qua nội dung họp Hội đồng quản trị định kỳ Quý II/2021.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua các nội dung họp Hội đồng quản trị định kỳ Quý II/2021 của Công ty như sau:

1. Kết quả SXKD - ĐTXD - Tài chính năm 2020 và kế hoạch năm 2021

1.1. Kết quả thực hiện SXKD - ĐTXD - Tài chính năm 2020

a. Kết quả sản xuất điện và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật (KTKT)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH giao 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % so KH
1	Điện sản xuất	Triệu kWh	892,00	277,18	31,07
2	Điện thương phẩm	Triệu kWh	867,41	269,87	31,11
3	Hệ số khả dụng		0,9633	0,9936	
4	Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng	%	2,87	0,64	

5	Tỷ lệ dừng máy sự cố	%	0,8	0
6	Tỷ lệ điện tự dừng	%	3,21	3,12
7	Nhiên liệu tiêu thụ			
	+ Khí	(10 ⁶ Btu)	7.833.538,87	1.429.682,18
	+ Dầu	kg	0	21.174.102,3 9
8	Suất hao nhiệt (<i>trinh</i>)			
	+ Bằng khí F5	Btu/kWh		
	+ Bằng khí F6 + Hơi	Btu/kWh	9.020,15	8.874,66
	+ Bằng dầu	g/kWh	0,00	283,87
9	Suất sự cố	Số sự cố/Số thiết bị	0,35	0

b. Kết quả hoạt động Sản xuất kinh doanh - Tài chính

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	So sánh (%)
1. Tổng doanh thu	Tr. đồng	1.579.441	821.566	52,02
- SXKD điện	Tr. đồng	1.523.338	745.455	
- Hoạt động tài chính	Tr. đồng	52.293	71.130	
- SXKD khác	Tr. đồng	3.810	4.980	
2. Tổng chi phí	Tr. đồng	1.447.241	724.875	50,09
- SXKD điện	Tr. đồng	1.421.491	682.457	
- Hoạt động tài chính	Tr. đồng	22.526	39.228	
- SXKD khác	Tr. đồng	3.223	3.189	
3. Lợi nhuận trước thuế	Tr. đồng	132.200	96.691	73,14
- SXKD điện	Tr. đồng	101.846	62.998	
- Hoạt động tài chính	Tr. đồng	29.766	31.902	
- SXKD khác	Tr. đồng	587	1.791	
4. Lợi nhuận sau thuế	Tr. đồng	105.760	80.930	76,52

c. Kết quả đầu tư xây dựng

Dự án Nhà máy điện gió Bà Rịa - Buôn Hồ tại thị xã Buôn Hồ tỉnh Đắk Lắk: Công ty thực hiện lập bổ sung quy hoạch, tư vấn và lắp đặt cột đo gió cho Dự án với tổng giá trị là 1,95 tỷ đồng. Hiện tại đang thực hiện thu thập số liệu đo gió trong thời gian 01 (một) năm, kể từ ngày 30/4/2020.

Dự án Nhà máy Nhiệt điện khí Bà Rịa II đang thực hiện các thủ tục có liên quan để bổ sung Quy hoạch điện VIII.

Dự án Nhà máy điện gió Tiến Thành 3 đang phối hợp cùng với địa phương để tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc do chồng lấn titan.

1.2. Kế hoạch SXKD - ĐTXD - Tài chính năm 2021

a. Kế hoạch sản xuất điện và các chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật (KTKT)

Stt	Chỉ tiêu	Đơn vị	KH 2021
1	Điện sản xuất	Tr. kWh	425,00
2	Điện thương phẩm	Tr. kWh	413,32
3	Hệ số khả dụng	%	96,53
4	Tỷ lệ dừng máy bảo dưỡng	%	2,83
5	Tỷ lệ dừng máy sự cố	%	0,64
6	Tỷ lệ điện tự dùng (có nhận)	%	3,21
7	Suất tiêu hao		
	+ Tuabin khí F5	Btu/kWh	
	+ Tuabin khí HHV (F6+Hoi)	Btu/kWh	8.730,00
8	Suất sự cố	Số sự cố/số TB	0,35

b. Kế hoạch Sản xuất kinh doanh - Tài chính

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kế hoạch 2021
Điện sản xuất	Tr. kWh	425
Điện thương phẩm	Tr. kWh	413,32
Doanh thu	Tr. đồng	887.053
Tổng chi phí	Tr. đồng	785.903
Lợi nhuận (sau thuế)	Tr. đồng	80.920
Cổ tức	%	10

c. Kế hoạch đầu tư xây dựng

- Dự án xây dựng Nhà máy điện gió Tiến Thành 3 tại tỉnh Bình Thuận

Hiện Công ty đang chờ UBND tỉnh Bình Thuận cấp giấy chứng nhận đầu tư. Dự kiến chi phí khoảng 59.746,86 triệu đồng, bao gồm: Chi phí khảo sát địa hình, địa chất, khí tượng thủy văn, chi phí đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí lập báo cáo khả thi, chi phí đánh giá tác động môi trường...

- Dự án Nhà máy Nhiệt điện khí Bà Rịa II tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu

Hiện Công ty đã làm Hồ sơ và trình Bộ Công Thương, Viện Năng lượng xem để bổ sung dự án vào quy hoạch phát triển điện lực Quốc gia. Chi phí dự kiến năm 2021 là 846,72 triệu đồng, là chi phí lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi.

- Dự án xây dựng Nhà máy điện gió Bà Rịa - Buôn Hồ tại tỉnh Đắk Lắk

Tiếp tục thu thập dữ liệu đo gió và thực hiện các bước tiếp theo khi có số liệu đo gió khả quan, năm 2021 dự kiến sẽ lập Báo cáo nghiên cứu tiền khả thi cho dự án, chi phí dự kiến là 1.135,71 triệu đồng.

2. Báo cáo tài chính năm 2020 sau kiểm toán

ĐVT: triệu đồng

<u>A- BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN</u>	Báo cáo tài chính
1. Tài sản ngắn hạn	819.594
2. Tài sản dài hạn	889.966
TỔNG TÀI SẢN	1.709.560
1. Nợ phải trả	486.357
1.1 Nợ ngắn hạn	149.841
1.2 Nợ dài hạn	336.516
2. Vốn chủ sở hữu	1.223.203
2.1. Vốn góp của chủ sở hữu	604.856
2.2. Thặng dư vốn cổ phần	7.560
2.3. Vốn khác của chủ sở hữu	0
2.4. Quỹ đầu tư phát triển	217.213
2.5. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	19.973
2.6. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	373.601
2.7. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	0
TỔNG NGUỒN VỐN	1.709.560
<u>B- KẾT QUẢ KINH DOANH</u>	Báo cáo tài chính
1. Tổng doanh thu	821.566
2. Tổng chi phí	724.875
3. Lợi nhuận trước thuế	96.691
4. Lợi nhuận sau thuế	80.930

3. Báo cáo quỹ lương của Người lao động, Người quản lý và thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát năm 2020 và kế hoạch năm 2021

Cụ thể mức tiền lương, thù lao, thưởng an toàn điện thực hiện năm 2020 và kế hoạch năm 2021 như sau:

Stt	Người quản lý	Thực hiện năm 2020 (Tr. đồng)		Kế hoạch năm 2021 (Tr. đồng)	
		Tiền lương tháng	Thù lao tháng	Tiền lương tháng	Thù lao tháng
1	Chủ tịch HĐQT chuyên trách	29,053		57,724	
2	Chủ tịch HĐQT không chuyên trách		5,121		10,8
3	Tổng Giám đốc	27,791		55,388	
4	Trưởng BKS chuyên trách	25,630		51,255	
5	Phó Tổng Giám đốc	24,723		49,135	
6	Kế toán trưởng	22,737		45,051	
7	Thành viên HĐQT không chuyên trách		4,361		9,2
8	Thành viên BKS không chuyên trách		4,361		9,2
9	Người lao động	12,689		13,695	

4. Phương án phân chia lợi nhuận năm 2020

Stt	Nội dung	Số tiền (đồng)
1	Tổng lợi nhuận thực hiện	96.690.950.378
2	Thuế TNDN phải nộp	15.761.169.287
3	Thuế TNDN hoãn lại	0
4	Lợi nhuận sau thuế	80.929.781.091
5	Lợi nhuận được phân phối	80.929.781.091
5.1	Trả cổ tức (11%)	66.534.160.000
5.2	Trích quỹ đầu tư phát triển (6,77%)	5.479.528.424
5.3	Trích quỹ thưởng Ban điều hành	102.398.167
5.4	Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	8.506.500.000
	Trong đó:	
	- Quỹ khen thưởng (30%)	2.551.950.000
	- Quỹ phúc lợi (70%)	5.954.550.000
6	Vốn CSH bình quân trong năm	604.856.000.000

5. Bổ sung ngành nghề kinh doanh: *Chi tiết đính kèm.*

6. Nội dung sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của Hội đồng quản trị: *Chi tiết đính kèm.*

7. Tờ trình về việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa: *Chi tiết đính kèm.*

8. Đơn xin từ nhiệm của Ông Đoàn Ngọc Nhân, thành viên Hội đồng quản trị.

9. Thống nhất về nhân sự tham gia Người đại diện, Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát tại Công ty cổ phần Thủy điện Buôn Đôn, Công ty cổ phần Nhiệt Quảng Ninh theo như nội dung biên bản họp.

Điều 2. Giao Ông Tổng Giám đốc chỉ đạo các đơn vị liên quan chuẩn bị các nội dung tại Điều 1 để thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 theo đúng quy định hiện hành.

Điều 3. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm thi hành Quyết nghị này ./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- BKS/BTP;
- P. TCKT/BTP (cbtt);
- Các đơn vị/BTP;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



[Handwritten signature in blue ink]

Phan Thanh Xuân

BÁO CÁO
BỔ SUNG NGÀNH NGHỀ KINH DOANH
(Đính kèm Nghị quyết số 708/NQ-NĐBR ngày 07/6/2021)

Bổ sung ngành nghề của Công ty:

Stt	Tên ngành	Mã ngành
1	Cung cấp dịch vụ thí nghiệm vật tư thiết bị điện; Cung cấp dịch vụ kiểm định an toàn kỹ thuật các thiết bị, dụng cụ điện	7120

Phụ lục: Nội dung sửa đổi Điều lệ Công ty
(Đính kèm Nghị quyết số 708/NQ-NĐBBR ngày 07/6/2021)

STT	Điều lệ hiện hành	Điều lệ sửa đổi	Lý do	Ý kiến của Tổng Công ty
1	Điều lệ công ty	Cập nhật lại nội dung các mục theo Điều lệ mẫu ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC	Tham chiếu Điều lệ mẫu tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC	
2	Thuật ngữ “Kiểm soát viên” trong Điều lệ	Sửa thành “Thành viên Ban kiểm soát”		
3	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trừ trường hợp các điều khoản hoặc ngữ cảnh của Điều lệ này quy định khác, những thuật ngữ sau sẽ có nghĩa như quy định dưới đây:</p> <p>a. “Vốn điều lệ” là...và quy định tại Điều 5-Điều lệ này.</p> <p>b. “Luật Doanh nghiệp” số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 16/11/2014;</p> <p>c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán ngày 29/6/2006 và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật chứng khoán ngày 24/11/2010;</p>	<p>Điều 1. Giải thích thuật ngữ</p> <p>1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây được hiểu như sau:</p> <p>a. “Vốn điều lệ” là và quy định tại Điều 6 Điều lệ này.</p> <p>b. “Luật Doanh nghiệp” số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/6/2020;</p> <p>c. “Luật chứng khoán” là Luật chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;</p>	Bổ sung khái niệm theo Thông tư 116/2020/TT-BTC	

4	<p>f. “Người có liên quan” có nghĩa là bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 34 Điều 6 Luật chứng khoán;</p> <p>g. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 9 Điều 6 Luật Chứng khoán;</p> <p>2. Trong Điều lệ này, bất kỳ một các tham chiếu nào tới bất kỳ một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.</p> <p>3. Các tiêu đề (Chương, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p> <p>Điều 2. Tên, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.</p>	<p>f. “Người quản lý doanh nghiệp” là người quản lý công ty, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc.</p> <p>g. “Người có liên quan” có nghĩa là cá nhân, tổ chức có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với doanh nghiệp được quy định tại khoản 23 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp, khoản 46 Điều 6 Luật chứng khoán 2019;</p> <p>h. “Cổ đông lớn” là cổ đông được quy định tại khoản 18 Điều 4 Luật Chứng khoán;</p> <p>2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một điều khoản hoặc văn bản nào sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế.</p> <p>3. Các tiêu đề (Mục, Điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này.</p> <p>Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện, địa điểm kinh doanh và thời hạn hoạt động của Công ty.</p>		<p>Theo Điều lệ mẫu Thông tư 116/2020/TT-BTC</p>
---	--	---	--	--

	<p>4. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện: Tại Địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép.</p>	<p>4. Thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện: Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại Địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi Pháp luật cho phép.</p>	
5	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>4.1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty</p>	<p>Điều 4. Mục tiêu hoạt động của Công ty</p> <p>4.1. Ngành, nghề kinh doanh của Công ty</p>	
6	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập</p> <p>2. Cổ đông góp vốn bằng tài sản phải chuyển quyền sở hữu hoặc sử dụng tài sản góp vốn cho công ty theo quy định Điều 36 Luật Doanh nghiệp năm 2014.</p> <p>7. “Cổ đông sáng lập” của Công ty là Cổ đông tham gia xây dựng, thông qua và ký tên vào bản Điều lệ đầu tiên của Công ty. Danh sách Cổ đông sáng lập được nêu tại Điều 2 điều lệ này.</p> <p>8. Cổ phần phổ thông phải..... trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc trong trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch</p>	<p>Điều 6. Vốn điều lệ, cổ phần, Cổ đông sáng lập</p> <p>2. Cổ đông góp vốn bằng tài sản phải chuyển quyền sở hữu hoặc quyền sử dụng tài sản góp vốn cho công ty theo quy định Điều 35 Luật Doanh nghiệp năm 2020.</p> <p>- Bỏ khoản (7)</p> <p>7. Cổ phần phổ thông phải..... trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông chấp thuận khác hoặc pháp luật về chứng khoán có quy định</p>	

	Chứng khoán.	khác.		
7	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu, trừ trường hợp quy định tại khoản 7 Điều này.</p>	<p>Điều 7. Chứng nhận cổ phiếu</p> <p>1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.</p>		
8	<p>Điều 12. Quyền của Cổ đông</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 10%..... có các quyền sau:</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật doanh nghiệp;</p>	<p>Điều 12. Quyền của Cổ đông</p> <p>3. Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông sở hữu từ 5%..... có các quyền sau:</p> <p>b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 115 và Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>		
9	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập theo Điều 160 Luật Doanh nghiệp.....;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp.....theo khoản 5</p>	<p>Điều 14. Đại hội đồng cổ đông</p> <p>3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng Cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:</p> <p>e. Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập.... theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp.....;</p> <p>4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường</p> <p>b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp.....theo khoản</p>		

	<p>Điều 136 Luật Doanh nghiệp; c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông... theo quy định khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp;</p>	<p>3 Điều 140 Luật Doanh nghiệp; c. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông... theo quy định khoản 4 Điều 140 Luật Doanh nghiệp;</p>	
10	<p>Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: n. Công ty ký kết hợp đồng với người được quy định tại khoản 1 Điều 162 của Luật Doanh nghiệp</p>	<p>Điều 15. Quyền và nghĩa vụ của Đại hội đồng cổ đông 1. Đại hội đồng cổ đông có quyền và nghĩa vụ sau: n. Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại khoản 1 Điều 167 của Luật Doanh nghiệp</p>	
11	<p>Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. a. b. i. Chữ ký của chủ tọa và thư ký. Biên bản được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh đều có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.</p>	<p>Điều 23. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông 1. a. b. i) Họ, tên và chữ ký của chủ tọa và thư ký. Trường hợp chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp thì biên bản này có hiệu lực nếu được tất cả thành viên khác của Hội đồng quản trị tham dự họp ký và có đầy đủ nội dung theo quy định tại khoản này. Biên bản họp ghi rõ việc chủ tọa, thư ký từ chối ký biên bản họp.</p>	

	<p>5. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp và tài liệu có liên quan phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	<p>5. Nghị quyết, Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp kèm chữ ký của cổ đông, văn bản ủy quyền tham dự họp, tất cả các tài liệu đính kèm Biên bản (nếu có) và tài liệu có liên quan kèm theo thông báo mời họp phải được công bố thông tin theo quy định pháp luật về công bố thông tin trên thị trường chứng khoán và phải được lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.</p>	
12	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là có không ít hơn 5 thành viên và không quá 11 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị là 04 (bốn) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Nhiệm kỳ của Chủ tịch HĐQT chuyên trách là 04 năm và giữ chức vụ không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.</p>	<p>Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị là có không ít hơn 5 thành viên và không quá 11 thành viên. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá 05 năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>Nhiệm kỳ của Chủ tịch HĐQT chuyên trách không quá 05 năm và giữ chức vụ không quá 02 nhiệm kỳ liên tiếp.</p>	
13	<p>Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</p>	<p>Điều 27. Quyền hạn và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị</p>	

	<p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản 2 Điều 135, khoản 1 và khoản 3 Điều 162 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p>	<p>3. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:</p> <p>c. Trong phạm vi quy định tại khoản 2 Điều 153 của Luật Doanh nghiệp, khoản 1 và khoản 3 Điều 167 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng của Công ty;</p>	
14	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>2. Nhiệm kỳ: Tổng Giám đốc không đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là 04 (bốn) năm và giữ chức vụ không quá 02 (hai) nhiệm kỳ liên tiếp. Việc bổ nhiệm.....</p>	<p>Điều 35. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng Giám đốc</p> <p>2. Nhiệm kỳ: Tổng Giám đốc không đồng thời là Chủ tịch Hội đồng quản trị. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc không quá 05 năm và có thể được bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Việc bổ nhiệm.....</p>	Theo khoản 3 Điều 35, TT 116
15	<p>Điều 37. Kiểm soát viên</p> <p>1. Số lượng Kiểm soát viên của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của Kiểm soát viên là 04 (bốn) năm và có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ</p>	<p>Điều 37. Thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1. Số lượng Thành viên Ban Kiểm soát của Công ty là 03 (ba) người. Nhiệm kỳ của Thành viên Ban Kiểm soát không quá 05 năm và</p>	Theo khoản 1 Điều 38, TT 116

	không hạn chế. 3. Trưởng ban kiểm soát phải là kiểm toán viên hoặc kế toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại Công ty	có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. 3. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp [trừ trường hợp Điều lệ công ty có quy định tiêu chuẩn khác cao hơn].		
16	Điều 38. Ban kiểm soát 1. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 165 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau:	Điều 38. Trưởng Ban kiểm soát 1. Trưởng Ban kiểm soát có các quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 170 Luật doanh nghiệp và các quyền, nghĩa vụ sau: Thêm mới điều 39, 40, 41 theo điều lệ mẫu - TT116)		BS theo Điều lệ mẫu, TT 116
17		Điều 39. Quyền và nghĩa vụ của Ban kiểm soát 1. 12.		
18		Điều 40. Cuộc họp của Ban kiểm soát 1. Ban kiểm soát phải họp ít nhất 02 lần trong một năm.... 2. Ban kiểm soát có quyền yêu		BS theo Điều lệ mẫu TT 116

19		<p>câu thành viên Hội đồng.....</p> <p>Điều 41. Tiền lương, thù lao, thưởng và lợi ích khác của thành viên Ban kiểm soát</p> <p>1.... 4.</p>	BS theo Điều lệ mẫu TT 116	
20	<p>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị.... theo quy định tại Điều 159 Luật doanh nghiệp...</p>	<p>Điều 43. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi</p> <p>1. Thành viên Hội đồng quản trị.... theo quy định tại Điều 164 Luật doanh nghiệp...</p>		
21	<p>Điều 60. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 21 chương 57 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 28/4/2020 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai (1/2) tổng số thành viên Hội đồng quản trị.</p>	<p>Điều 60. Ngày hiệu lực</p> <p>1. Bản Điều lệ này gồm 21 mục 60 điều, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua ngày 28/4/2021 tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này.</p> <p>4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty có giá trị khi có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu 1/2 tổng số thành viên Hội đồng quản trị</p>		

TỜ TRÌNH
Về việc thành lập Ban Kiểm toán nội bộ
Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa

Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;

Căn cứ Nghị định 05/2019/NĐ-CP ngày 22/01/2019 của Chính phủ về việc thành lập bộ phận kiểm toán nội bộ đối với công ty niêm yết;

Căn cứ Thông tư 66/2020/TT-BTC ngày 10/7/2020 của Bộ Tài chính về việc ban hành Quy chế mẫu về kiểm toán nội bộ áp dụng cho doanh nghiệp;

Căn cứ Điều lệ Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa;

Căn cứ văn bản số 988/GENCO3-KTGS ngày 15/4/2021 của Tổng Công ty Phát điện 3 (EVNGENCO 3) về việc thực hiện công tác kiểm toán nội bộ theo Nghị định 05/2019/NĐ-CP của Chính phủ,

Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa (BTP) trình Hội đồng quản trị BTP phương án thành lập Ban Kiểm toán nội bộ của BTP như sau:

1. Cơ cấu Ban Kiểm toán nội bộ là ban chuyên môn do Hội đồng quản trị BTP quyết định thành lập và trực thuộc Hội đồng quản trị.

2. Số lượng: Dự kiến 03 người

- 01 người là Thành viên Hội đồng quản trị độc lập làm Trưởng ban.

- 01 người là Phó Quản đốc phụ trách Phân xưởng Vận hành làm ủy viên thường trực.

- 01 người là Chuyên viên Phòng Kế hoạch Vật tư làm ủy viên.

3. Chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm toán nội bộ: Thực hiện theo Thông tư số 66/2020/TT-BTC ngày 10/7/2020 của Bộ Tài chính.

4. Chế độ làm việc: kiêm nhiệm được trả thù lao kiêm nhiệm hàng tháng. Mức tiền và nguồn chi trả thù lao giao ban điều hành nghiên cứu các văn bản của pháp luật, hướng dẫn của EVNGENCO 3 tham mưu báo cáo Hội đồng quản trị BTP phê duyệt.

T.C.P.N.V.

5. Giao Hội đồng quản trị BTP triển khai các thủ tục cần thiết để thực hiện phương án được phê duyệt nêu tại mục 1 Tờ trình này theo quy định pháp luật và các quy định nội bộ của BTP.

Trên đây là phương án thành lập Ban Kiểm toán nội bộ của Công ty cổ phần Nhiệt điện Bà Rịa. Chủ tịch Hội đồng quản trị Công ty đề nghị Hội đồng quản trị Công ty xem xét, thông qua./.

Nơi nhận:

- HĐQT/BTP;
- Ban TGD/BTP;
- Lưu: VT, TK.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH**



Phan Thanh Xuân